

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/12/2022

V/v tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Xuân Toàn và ông Phạm Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 14/12/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST- HNGĐ ngày 14/10/2022 tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị B; sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn 7, xã TX, huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình Q; sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn Đức ĐHQ, xã LTT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; đã bị Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2022/QĐST-VDS ngày 27/9/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2022, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bà Đào Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị B kết hôn với ông Nguyễn Đình Q trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐA (Nay xã AD), huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 17/5/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn ĐHQ, xã LTT. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm thì nảy sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên

nhân là do tính cách không hợp, không còn tình cảm với nhau nên đến ngày 02/4/2016 ông Q tự ý bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay không có tin tức gì, không ai biết ông Q đi đâu và làm gì. Ngày 27/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ đã ban hành Quyết định số 01/2022/QĐST-VDS tuyên bố ông Nguyễn Đình Q mất tích. Hiện tại bà Đào Thị B xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà Đào Thị B và ông Nguyễn Đình Q có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 04/4/2006. Lâu nay và hiện tại con ở với bà Đào Thị B nên bà B có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông Nguyễn Đình Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Đào Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn cơ bản đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng pháp luật. Việc bị đơn vắng mặt không có lý do là không chấp hành nghiêm túc quy định pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà Đào Thị B được ly hôn ông Nguyễn Đình Q.

Về con chung và cấp dưỡng: Căn cứ Khoản 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 04/4/2006 cho bà Đào Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Đào Thị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Về tài sản và nợ chung: Bà Đào Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Đào Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa nguyên đơn bà Đào Thị B, sinh năm: 1972; địa chỉ: Thôn 7, xã TX, huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông và bị đơn ông Nguyễn Đình Q; sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn ĐHQ, xã LTT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đào Thị B và ông Nguyễn Đình Q kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐA (Nay xã AD), huyện Đức Thọ vào ngày 17/5/2004. Điều đó phù hợp với Giấy xác nhận kết hôn của UBND xã ĐA, huyện Đức Thọ do bà B nộp có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của bà B và ông Q là hợp pháp.

Tình trạng hôn nhân vợ chồng hòa thuận được khoảng 10 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, không còn tình cảm với nhau nên ông Q đã tự ý bỏ đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/4/2016 cho đến nay không có tin tức gì, gia đình hai bên cũng như chính quyền địa phương không biết ông Q đi đâu, làm gì. Ngày 27/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định số 01/2022/QĐST-VDS tuyên bố ông Nguyễn Đình Q mất tích kể từ ngày 02/4/2016. Nay bà B xác định không còn tình cảm với ông Q, mục đích hôn nhân không đạt được và xin ly hôn nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho bà Đào Thị B được ly hôn ông Nguyễn Đình Q là phù hợp.

[3] *Về quan hệ con chung và cấp dưỡng*: Bà Đào Thị B xác định trong quá trình chung sống bà Đào Thị B và ông Nguyễn Đình Q có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 04/4/2006. Xét thấy từ khi sinh ra cho đến trước ngày ông Q bỏ nhà ra đi, bà B và ông Q cùng chăm sóc con. Tuy nhiên, đến ngày 02/4/2016 ông Q bỏ nhà đi khỏi địa phương thì việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con do mình bà B là người trực tiếp đảm nhiệm. Tuy hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng bà B không ngại khó khăn chăm lo lao động để có thu nhập đảm bảo cuộc sống cho bản thân và con, trong khi đó ông Q đã biệt tích từ ngày 02/4/2016 đến nay không biết ở đâu. Mặt khác, yêu cầu của bà B cũng phù hợp với nguyện vọng của con. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu S cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Bà B không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Bà B, ông Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 56; Điều 57, Khoản 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3; Khoản 1 Điều 6; Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016, xử:

1. Bà Đào Thị B được ly hôn ông Nguyễn Đình Q.
2. Giao con chung Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 04/4/2006 cho bà Đào Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Đình Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.
3. Bà Đào Thị B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0013111 ngày 14/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.
4. Bà Đào Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Nguyễn Đình Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- Chi cục THADS huyện Đức Thọ;
- UBND xã An Dũng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Trọng

